TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN MÔ – TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
*Số:01/*2018/QĐST - HNGĐ	***Yên Mô,*** *ngày 02 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 89/2017/TLST – HNGĐ, ngày 16 tháng 11 năm 2017, giữa:

- Nguyên đơn: Chị ***Phạm Thị N***, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện Y, Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh ***Dương Anh T***, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện Y, Ninh Bình.

- Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 236/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Phạm Thị N và anh Dương Anh T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Phạm Thị N và anh Dương Anh T đều xác nhận vợ chồng có hai con chung là Dương Minh L, sinh ngày 08/10/2009, cháu Dương Thị Huyền T, sinh ngày 17/8/2011, chị N và anh T thỏa thuận khi ly hôn giao cháu L và cháu T cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc. nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L và cháu T thành niên, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh T.

Chị N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu L và cháu T được chung sống với anh T và chị N có quyền được thăm nom chăm sóc con chung. Anh T và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở chị N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung và công nợ: Chị Phạm Thị N và anh Dương Anh T thống nhất vợ chồng tự giải quyết với nhau, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Phạm Thị N và anh Dương Anh T thỏa thuận để chị N nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001951 ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Chị N được hoàn lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã Ký)

Phạm Bằng Linh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh NB (1);
- VKSND huyện Yên Mô (3);
- THADS huyện Yên Mô (1);
- UBND xã Khánh Thượng;
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ (1); Lưu VP (1).